

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 01-02-2021
V/v Tranh chấp Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Huỳnh Văn Vui**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Hồng**

2. Ông **Đỗ Tứ Hải**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Linh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm tỉnh Vĩnh Long không tham gia phiên tòa.

Ngày 01 tháng 02 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 460/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2020 về “Tranh chấp Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2021/QĐXX-ST ngày 15 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Phan Thị M**, sinh năm 1994 (có mặt)

Địa chỉ: ấp C, xã T, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Anh **Dương Minh Đ**, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp P, xã B, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 8 năm 2020 và những lời khai khác có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Phan Thị M trình bày:***

Hôn nhân giữa chị và anh Dương Minh Đ do tự tìm hiểu quen biết tiến tới hôn nhân, được gia đình cha mẹ hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới vào năm 2014, có

đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B ngày 16 tháng 9 năm 2014. Sau ngày cưới vợ chồng sống chung gia đình chồng tại ấp P, xã B, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm thường hay cãi vã mất hạnh phúc. Chị và anh Đ không còn sống chung từ tháng 04 năm 2019 đến nay.

Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu được ly hôn với anh Dương Minh Đ.

- *Về con chung*: Có 02 con chung tên Dương Hoàng K, sinh ngày 12 tháng 3 năm 2015 và Dương Hoàng D, sinh ngày 22 tháng 8 năm 2017 hiện cháu K đang sống với anh Đ, cháu D đang sống với chị M. Sau khi ly hôn chị đồng ý giao cháu K cho anh Đ nuôi dưỡng, chị nuôi dưỡng cháu D, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung phải thu, phải trả*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị không còn yêu cầu nào khác.

*** Theo bảng khai ý kiến ngày 25 tháng 11 năm 2020 và những lời khai khác có trong hồ sơ vụ án bị đơn anh Dương Minh Đ trình bày:**

- *Về mối quan hệ hôn nhân*: Anh thống nhất theo lời trình bày của chị M về mối quan hệ hôn nhân hình thành, thời gian chung sống, hôn nhân có đăng ký kết hôn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do trong lúc nóng giận anh có nói làm đơn ly hôn nên chị M bỏ về nhà mẹ ruột sống từ tháng 9 năm 2020 đến nay.

Nay đối với yêu cầu xin ly hôn của chị M thì anh không đồng ý ly hôn.

- *Về con chung*: Có 02 con chung tên Dương Hoàng K, sinh ngày 12 tháng 3 năm 2015 và Dương Hoàng D, sinh ngày 22 tháng 8 năm 2017 hiện cháu K đang sống với anh, cháu D đang sống với chị M. Sau khi ly hôn anh đồng ý nuôi cháu K, đồng ý giao cháu D cho chị M nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung phải thu, phải trả*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ trong vụ án:

Nguyên đơn đã nộp: Trích lục kết hôn bản sao; trích lục khai sinh bản sao.

Bị đơn đã nộp: Bảng khai ý kiến bản gốc.

Ngoài ra đương sự không còn yêu cầu nào khác giữ nguyên quan điểm của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và các chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án triệu tập anh Dương Minh Đ hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh Đ cố tình vắng mặt không lý do, không hợp tác, anh Đ biết rõ chị M xin ly hôn với anh. Nên quyết định xét xử vắng mặt anh Đ theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Mối quan hệ hôn nhân giữa chị Phan Thị M và anh Dương Minh Đ là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Hôn nhân của anh chị do tự tìm hiểu quen biết có tổ chức lễ cưới vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 16 tháng 9 năm 2014. Theo lời trình bày của chị M thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm thường hay cãi vã mất hạnh phúc. Chị và anh Đ không còn sống chung từ tháng 04 năm 2019 đến nay. Theo anh Đ trình bày nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do trong lúc nóng giận anh có nói làm đơn ly hôn nên chị M bỏ về nhà mẹ ruột sống, hiện nay anh chị không còn sống chung. Nay đối với yêu cầu xin ly hôn của chị M thì anh không đồng ý nhưng anh không tìm ra được phương pháp để khắc phục hàn gắn. Hôn nhân là sự tự nguyện của hai người nhưng chị M kiên quyết ly hôn với anh Đ, chị cho rằng giữa chị và anh Đ không còn tình cảm vợ chồng, không thể sống chung có hạnh phúc được.

Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị M yêu cầu ly hôn với anh Đ là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Anh Đ yêu cầu được đoàn tụ yêu cầu của anh Đ là không được chấp nhận.

[3] Con chung: Chị Phan Thị M và anh Dương Minh Đ có 02 người con chung tên Dương Hoàng K, sinh ngày 12 tháng 3 năm 2015 và Dương Hoàng D, sinh ngày 22 tháng 8 năm 2017 hiện cháu K đang sống với anh Đ, cháu D đang sống với chị M. Chị M anh Đ thống nhất thỏa thuận giao con chung tên Dương Hoàng K, sinh ngày 12 tháng 3 năm 2015 cho anh Đ nuôi dưỡng, giao con chung tên Dương Hoàng D, sinh ngày 22 tháng 8 năm 2017 cho chị M nuôi dưỡng. Chị M, anh Đ không ai phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Tài sản chung: Chị Phan Thị M và anh Dương Minh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[5] Các khoản nợ phải thu, phải trả: Chị Phan Thị M và anh Dương Minh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình: Chị Phan Thị M nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9, 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 28, 35, 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 3, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

*** Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu của chị Phan Thị M.

[1] Về mối quan hệ hôn nhân: Cho chị Phan Thị M được ly hôn với anh Dương Minh Đ.

[2] Con chung: Giao con chung tên Dương Hoàng K, sinh ngày 12 tháng 3 năm 2015 cho anh Dương Minh Đ nuôi dưỡng, giao con chung tên Dương Hoàng D, sinh ngày 22 tháng 8 năm 2017 cho chị Phan Thị M nuôi dưỡng. Chị M, anh Đ không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[3] Tài sản chung: Chị Phan Thị M và anh Dương Minh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[4] Nợ chung phải thu, phải trả: Chị Phan Thị M và anh Dương Minh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình: Chị Phan Thị M nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số N⁰ 0008633 ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Chị M đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ sau ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại địa phương để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử lại phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
(Đã ký)

Huỳnh Văn Vui